



Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (hội trường, khách sạn, mô hình tham quan).

Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

Bước 5: Ban hành các văn bản liên quan đến công tác tổ chức sự kiện (quyết định, công văn, giấy mời)

Bước 6: Chuẩn bị các tài liệu cần thiết phục vụ sự kiện, như: tài liệu hội thảo hội nghị, quy chế hội thi, bộ câu hỏi đáp án và đề thi, video clip phóng sự tuyên truyền.

Bước 7: Lập danh sách thành phần tham gia sự kiện: Ban tổ chức, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia, báo cáo viên, ban giám khảo cuộc thi, đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

Bước 8: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia sự kiện gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

Bước 9: Thiết kế bộ nhận diện sự kiện: Sân khấu, mặt bằng thi công, pa-nô, phong sân khấu và hội trường, băng rôn, cờ phướn, cờ lưu niệm, giấy mời, giấy khen.

Bước 10: Xây dựng kịch bản tổng thể cho sự kiện; nội dung chi tiết từng hoạt động; xây dựng bài phát biểu của lãnh đạo.

Bước 11: Các hoạt động hậu cần - kỹ thuật để tổ chức sự kiện, gồm:

- Chuẩn bị hội trường, sân khấu, trang trí khánh tiết và các trang thiết bị cần thiết khác phục vụ tổ chức sự kiện.

- Đưa đón ban tổ chức, giám khảo, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia và khách mời quan trọng.

- Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho ban tổ chức, giám khảo, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia và khách mời quan trọng.

Bước 12: Tổ chức và điều phối sự kiện diễn ra theo đúng kịch bản.

Bước 13: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Danh mục các định mức tổ chức sự kiện khuyến nông

Tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp (KN@NN), tọa đàm khuyến nông.

Tổ chức hội thảo, Hội nghị Khuyến nông, Hội thảo đầu bờ, Hội nghị tổng kết.

Tổ chức cuộc thi về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tổ chức hội thi về sản phẩm nông nghiệp.

3. Định mức

3.1 Tổ chức diễn đàn KN@NN, tọa đàm khuyến nông - Mã sản phẩm: TTTT6012

DVT: 01 Sự kiện

STT	Nội dung, quy trình	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Căn cứ
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định	Ngày công	10	10	7	Căn cứ Quyết

	kế hoạch, dự toán					định số 1072/QĐ- BVHTTDL
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình thăm quan (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	05 x 02	Căn cứ Nghị Quyết số 27/2023/NQ- HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
1.3	Công tác chuẩn bị nội dung, công tác tổ chức,	Ngày công	14	9	8	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, standee, băng rôn, pano	Ngày công	05	05	05	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ- BVHTTDL
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký (đi lại, ăn, nghỉ)	Người/ngày	10 x 04	10 x 04	10 x 03	Căn cứ Nghị Quyết số 27/2023/NQ- HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
2.2	Chủ trì, điều hành	Người	05	03	01	Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT- BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ tài chính
2.3	Chuyên gia, Cố vấn	Người	10	08	05	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị	Người	10	05	03	
2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành	Người	04	02	01	
2.6	Bộ phận phục vụ	Ngày công	04	02	01	
2.7	Dẫn chương trình	Người	01	01	01	
II	Định mức máy móc, thiết bị					
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình Led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến, cán bộ kỹ thuật...)					Căn cứ Nghị Quyết số 27/2023/NQ- HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
	Thời gian	Ngày	02	02	01	
	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			



2	Backdrop trong phòng hội trường	m ²	40	30	20	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
3	Standee	Chiếc	20	10	10	
4	Băng rôn, pano, phướn	m ²	200	100	50	
III		Định mức vật tư tiêu hao				
1	Văn phòng phẩm (giấy, bút)	Bộ	200-300	100-150	30-50	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
2	Thức ăn, hoá chất, mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành	Đồng	Theo thực tế			Áp dụng theo định mức của chuyên môn
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng.		Theo thực tế			Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
IV		Các hạng mục khác liên quan đến tổ chức hội thi				
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01	01	01	
2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị					Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo)	Bài	30	20	10	Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng diễn đàn, tọa đàm			Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC, TT 75/2019/TT-BTC
3	Hỗ trợ nông dân tham gia diễn đàn, tọa đàm (ăn, ngủ, đi lại)	Người/ngày	150 x 02	70 x 02	20 x 01	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-

						HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
3.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% tổng số đại biểu tham dự			Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
3.2	Số ngày được hỗ trợ:	Ngày	02	02	01	Theo thời gian tổ chức diễn đàn/tọa đàm
4	Bồi dưỡng khách mời	Người	50	30	10	
5	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	10	5	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
6	Nước uống giữa giờ	Người/ngày	300 x 02	150 x 02	50 x 01	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau

2. Định mức tổ chức cuộc thi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (thi sơ khảo và thi chung kết) - Mã sản phẩm: TTTT6013

DVT: 01 Hội thi chuyên môn

STT	Nội dung, quy trình	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	20-30 thí sinh	
I	Định mức công lao động					
1.	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	17	17	12	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức Hội thi (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	03 x 03	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của



						HĐND tỉnh Cà Mau
1.3	Xây dựng Quy chế thi (dự thảo, họp lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện)					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
	Dự thảo, chỉnh sửa hoàn thiện và ban hành Quy chế thi	Ngày công	20	20	20	
	Họp lấy ý kiến góp ý và phê duyệt Quy chế thi	Người/buổi	10 x 01	10 x 01	10 x 01	
1.4	Xây dựng Quy chế thi (dự thảo, họp lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện)					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
	Biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ (nội dung ôn tập, bộ câu hỏi và đáp án, tình huống)	Ngày công	50	40	30	
	Họp lấy ý kiến của các chuyên gia thẩm định, góp ý và phê duyệt bộ đề thi	Người/buổi	10 x 02	10 x 02	10 x 02	
1.5	Đạo diễn, biên tập, dàn dựng Tiểu phẩm sân khấu hóa (cho các đội dự thi)	Ngày công	10	10	10	Tính cho 01 đội thi (số đội thi phụ thuộc vào quy mô, tính chất của Hội thi)
1.6	Thiết kế backdrop hội trường, pa-nô, standee, băng rôn, cờ phướn, giấy khen, thẻ đeo	Ngày công	10	10	10	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.7	Soạn thảo, Ban hành quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, công văn, giấy mời tham dự.	Ngày công	05	05	05	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban tổ chức, Ban giám khảo, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc trước và trong thời gian diễn ra hội thi	Người	40	40	30	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2.2	Người dẫn chương trình (MC)	Người	02	02	01	
2.3	Họp ban tổ chức, ban giám khảo, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc	Buổi	03	03	03	
2.4	Tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp đăng ký dự thi của thí sinh.	Ngày công	15	10	05	

2.5	Quay phim, chụp ảnh toàn bộ Hội thi	Ngày công	05	04	03	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2.6	Bộ phận phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày công	30	20	10	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Hội trường và các trang thiết bị phục vụ hội thi					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.1	Hội trường lớn phục vụ Hội thi					
	Thời gian	Ngày	05	04	03	
	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
1.2	Dàn dựng sân khấu	Cái	01	01	01	
1.3	Thiết bị âm thanh, ánh sáng, chuông cho Lễ khai mạc, quá trình thi và lễ trao giải	Ngày	05	04	03	
1.4	Màn hình, máy chiếu, màn hình Led	Bộ/ngày	02 x 05	02 x 04	02 x 03	
1.5	Máy tính, máy in	Bộ/ngày	05 x 05	03 x 04	02 x 03	
1.6	Phòng làm việc cho Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ Thư ký trong các ngày diễn ra hội thi					
	Thời gian	Ngày	05	04	03	
	Sức chứa	Chỗ ngồi	40	40	30	
1.7	Các phòng, địa điểm đề thi lý thuyết (thi viết)	Phòng, địa điểm/buổi	04 x 02	02 x 02	01 x 02	
2	In ấn, thi công, lắp đặt bộ nhận diện cuộc thi					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2.1	Backdrop sân khấu, pano cánh gà sân khấu/backdrop đặt tại địa điểm thi	m ²	100	80	40	Kích thước theo mỗi loại
2.2	Phướn thả, Băng rôn	Chiếc	30	20	10	
2.3	Thẻ đeo Ban Tổ chức, Tổ thư ký và giúp việc, Ban Giám khảo, thí sinh dự thi, băng đội dự thi... (theo quy mô hội thi).	Chiếc	150	100	60	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in,	Bộ	150	100	70	



	giấy, bút) phục vụ hội thi					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2	Hỗ trợ vật liệu và dụng cụ phục vụ thí sinh dự thi	Thí sinh	100	50	30	
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Thư ký, Ban Giám khảo, khách mời quan trọng.		Theo thực tế			
IV	Các hạng mục khác liên quan đến tổ chức hội thi					
1	Thông tin tuyên truyền					
1.1	Đặt bài đăng báo in, báo điện tử	Tin, bài	05	02	02	Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
1.2	Đài truyền hình đưa tin	Tin, bài	02	01	01	
1.3	Hỗ trợ điện thoại liên lạc Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, người phục vụ	Người	05	05	03	
2	Hỗ trợ thí sinh tham gia hội thi					
2.1	Tập luyện cho hội thi	Buổi	10			Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, nghỉ
2.2	Tham gia hội thi	Ngày	05	04	03	
3	Trao giải thưởng: Cờ giải, cờ lưu niệm, khung giấy khen, hoa: giải tập thể, cá nhân, giải phụ					Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng Hội thi, được quy định cụ thể trong Quy chế thi
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	20	10	
5	Nước uống ban tổ chức, ban giám khảo, tổ thư ký, thí sinh, khách mời	Người/ngày	150 x 05	100 x 04	60 x 03	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau

3. Định mức tổ chức hội thi về sản phẩm nông nghiệp (thi sơ khảo và thi chung kết) - Mã sản phẩm: TTTT6014

ĐIVT: 01 Hội thi sản phẩm

STT	Nội dung, quy trình	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	20-30 thí sinh	

I	Định mức công lao động					
1.	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	15	15	10	Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức Hội thi (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	03 x 03	Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
1.3	Xây dựng Quy chế thi (dự thảo, họp lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện)		20	20	20	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
	Dự thảo, chỉnh sửa hoàn thiện và ban hành Quy chế thi	Ngày công	10	10	10	
	Họp lấy ý kiến góp ý và phê duyệt Quy chế thi	Người/buổi	10 x 01	10 x 01	10 x 01	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, pa-nô, standee, băng rôn, cờ phướn, giấy khen, thẻ đeo, biển tên, cờ giải, cờ lưu niệm, băng đeo đội dự thi	Ngày công	05	05	05	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.5	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự, Quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký.	Ngày công	07	07	06	
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban tổ chức, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc trước và trong thời gian diễn ra hội thi	Người	48	43	28	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2.2	Ban giám khảo (thù lao, chi phí đi lại, ăn, nghỉ trong thời gian diễn ra hội thi)	Người	10	10	10	



2.3	Người dẫn chương trình (MC)	Người	02	02	01	
2.4	Bộ phận phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày công	30	20	10	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Trung bày sản phẩm dự thi và chấm giải					
1.1	Địa điểm, không gian trưng bày sản phẩm dự thi	Ngày	03	02	02	
1.2	Vật dụng phục vụ trưng bày sản phẩm dự thi	Căn cứ vào quy mô và tính chất của từng hội thi để xem xét và quyết định				
1.3	Dàn dựng sân khấu	Cái	01	01	01	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL, Quyết định số 2201/QĐ-BVHTTDL
1.4	Thiết bị âm thanh, ánh sáng, chuông, cho lễ khai mạc và lễ trao giải	Ngày	05	05	05	
1.5	Màn hình, máy chiếu, màn hình Led	Bộ/ ngày	02 x 03	02 x 02	02 x 02	
1.6	Máy tính, máy in	Bộ/ ngày	05 x 02	03 x 02	02 x 02	
1.7	Phòng làm việc cho Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ Thư ký trong các ngày diễn ra hội thi					
	Thời gian	Ngày	05	05	05	
	Sức chứa	Chỗ ngồi	50	40	30	
1.8	Trang thiết bị máy móc phục vụ chấm thi	Căn cứ vào quy mô và tính chất của từng hội thi để xem xét và quyết định				
2	In ấn, lắp đặt bộ nhận diện cuộc thi					
2.1	Backdrop sân khấu, pano cánh gà sân khấu/backdrop đặt tại địa điểm thi	m ²	100	80	40	Kích thước theo thiết kế Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2.2	In phướn thả	Chiếc	20	10	06	
2.3	Băng rôn	Chiếc	10	10	03	
2.4	Thẻ đeo Ban Tổ chức, Tổ thư ký và giúp việc, Ban Giám khảo, băng đeo đội thi, cờ lưu niệm	Chiếc	70	70	50	

2.5	Biên tên sản phẩm	Chiếc	Theo số lượng sản phẩm dự thi			
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút)	Đồng	10.000.000	8.000.000	5.000.000	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Thư ký, Ban Giám khảo, khách mời	Theo thực tế				
IV	Các hạng mục khác liên quan đến tổ chức hội thi					
1	Thông tin tuyên truyền					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.1	Đặt bài đăng báo in, báo điện tử	Tin, bài	05	02	02	
1.2	Đài truyền hình đưa tin	Tin, bài	02	01	01	
1.3	Hỗ trợ điện thoại liên lạc Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, người phục vụ	Người	05	05	03	
2	Trao giải thưởng					
	Giải tập thể, giải cá nhân, giải phụ (tiền thưởng, cờ giải, khung giấy khen, hoa)	Giải thưởng	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng Hội thi, được quy định cụ thể trong Quy chế thi			Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
3	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	20	10	
4	Nước uống ban tổ chức, ban giám khảo, tổ thư ký, thí sinh, khách mời	Người/ngày	150 x 03	100 x 02	50 x 02	Căn cứ Nghị Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau

4. Tổ chức hội thảo, Hội nghị khuyến nông, Hội thảo đầu bờ, Hội nghị tổng kết: Áp dụng định mức tổ chức diễn đàn KN@NN, tọa đàm khuyến nông - **Mã sản phẩm: TTTT6012.**

II. ĐỊNH MỨC TỔ CHỨC THAM QUAN HỌC TẬP, TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM VỀ KHUYẾN NÔNG (Tham quan trong và ngoài tỉnh)

1. Đoàn tham quan học tập trong tỉnh - Mã sản phẩm: TTTT6015

1.1 Tiêu chuẩn, yêu cầu

a) “Tham quan khuyến nông” là hoạt động thể hiện các nội dung khảo sát thực tế mô hình sản xuất, trao đổi, thảo luận nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.



- b) Thời gian: 1- 2 ngày/cuộc
c) Số lượng: ≤30 người/cuộc
d) Đối tượng tham quan: Cán bộ ngành nông nghiệp, viên chức khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX.

1.2 Thành phần công việc

- a) Bước 1: Xác định chủ đề mô hình, đối tượng tham gia
b) Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức
c) Bước 3: Liên hệ với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát, tiền trạm (Địa điểm tổ chức)
d) Bước 4: Liên hệ với đơn vị vận chuyển, đơn vị cung cấp mẫu vật....
đ) Bước 5: Liên hệ, trao đổi nội dung chi tiết chương trình với đơn vị tiếp đoàn tham quan.
e) Bước 6: Gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.
f) Bước 7: Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như:
Đưa đón lãnh đạo và đại biểu khách mời;
Chuẩn bị chỗ ăn cho ban tổ chức, lãnh đạo và đại biểu khách mời;
Rà soát, kiểm tra địa điểm tham quan và các hoạt động khác có liên quan.
g) Bước 8: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hoạt động; tổ chức, thực hiện tham quan diễn ra theo đúng chương trình.
h) Bước 9: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

1.3 Định mức

DVT: Tính cho 1 cuộc tham quan

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp (Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)	Người	32		
1	Liên hệ xác định mô hình tham quan, học tập: - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	1	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực	
2	Liên hệ đối tượng tham dự chuyển tham quan, học tập: - Số lượng người yêu cầu: 09 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	9		9 người x 1 công
3	Xây dựng kế hoạch thực hiện: - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	1		1 người x 1

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				tổ chức thực hiện.	<i>công</i>
4	Triển khai kế hoạch tổ chức chuyến tham quan trong tỉnh đến các đơn vị có liên quan, phối hợp lập danh sách đại biểu tham dự; Hợp đồng thuê xe đi tham quan, học tập, trình phê duyệt ký kết: - <i>Số lượng người yêu cầu: 09 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	9		
5	Thực hiện chuyến đi tham quan, học tập: - <i>Số lượng người yêu cầu: 5 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	5		
6	Thanh lý hợp đồng thuê xe chở Đoàn đi tham quan học tập; Tổng kết, viết báo cáo kết quả chuyến tham quan, học tập; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán: - <i>Số lượng người yêu cầu: 2 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	2		
7	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ): - <i>Số lượng người yêu cầu: 5 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	5	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp	
II	Định mức vật tư, phương tiện				
1	Văn phòng phẩm (Giấy,...)	Gram	1	A4	
2	Vật tư (Mẫu vật, cây, trái,...)	kg	20	<i>An toàn vệ sinh thực phẩm</i>	
3	Xe phục vụ tham quan	Chuyến	1	Đảm bảo phục vụ an toàn	
4	Y tế	Chuyến	1	Đảm bảo đầy đủ các thuốc thông thường	

**2. Đoàn tham quan học tập ngoài tỉnh - Mã sản phẩm: TTTT6016****2.1 Tiêu chuẩn, yêu cầu**

a) “Tham quan khuyến nông” là hoạt động thể hiện các nội dung khảo sát thực tế mô hình sản xuất, trao đổi, thảo luận nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp phạm vi ngoài tỉnh.

b) Thời gian: 2 - 6 ngày/cuộc

c) Số lượng: ≤30 người/cuộc

d) Đối tượng tham quan: Cán bộ ngành nông nghiệp, viên chức khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã.

2.2 Thành phần công việc

a) Bước 1: Xác định chủ đề mô hình, đối tượng tham gia

b) Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức

c) Bước 3: Liên hệ với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương đến tham quan; Khảo sát, tiền trạm (Địa điểm tổ chức)

d) Bước 4: Liên hệ với đơn vị vận chuyển, đơn vị cung cấp dịch vụ khách sạn, mẫu vật.

đ) Bước 5: Liên hệ, trao đổi nội dung chi tiết chương trình với đơn vị tiếp đoàn tham quan.

e) Bước 6: Gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

f) Bước 7: Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như:

Đưa đón lãnh đạo và đại biểu khách mời;

Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho ban tổ chức, lãnh đạo và đại biểu khách mời;

Rà soát, kiểm tra địa điểm tham quan và các hoạt động khác có liên quan.

g) Bước 8: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hoạt động; tổ chức, thực hiện tham quan diễn ra theo đúng chương trình.

h) Bước 9: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2.3 Định mức

ĐVT: Tính cho 1 cuộc tham quan

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp (Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)	Người	35		
1	Liên hệ xác định mô hình tham quan, học tập: - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	1		
2	Liên hệ đối tượng tham dự chuyển	Người/ ngày	9		9 người

	tham quan, học tập: - Số lượng người yêu cầu: 09 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên				x 1 công
3	Xây dựng kế hoạch thực hiện: - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	1	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	1 người x 1 công
4	Triển khai kế hoạch tổ chức chuyến tham quan ngoài tỉnh đến các đơn vị có liên quan, phối hợp lập danh sách đại biểu tham dự; Hợp đồng thuê xe đi tham quan, học tập, trình phê duyệt ký kết: - Số lượng người yêu cầu: 09 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	9		
5	Thực hiện chuyến đi tham quan, học tập: - Số lượng người yêu cầu: 5 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	5		
6	Thanh lý hợp đồng thuê xe chở Đoàn đi tham quan học tập; Tổng kết, viết báo cáo kết quả chuyến tham quan, học tập; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán: - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	2		
7	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ): - Số lượng người yêu cầu: 5 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	5	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp	
II	Định mức vật tư, phương tiện				
1	Văn phòng phẩm (Giấy,...)	Gram	1	A4	
2	Vật tư (Mẫu vật, cây, trái,...)	kg	20	An toàn vệ sinh thực phẩm	
3	Xe phục vụ tham quan	Chuyến	1	Đảm bảo phục vụ an toàn	
4	Vé máy bay (Nếu tham quan các tỉnh phía Bắc)	Vé	10	Hạng phổ thông	Thực tế theo số



					lượng
Y tế	Chuyên	1	Các bệnh thông thường		

CHƯƠNG III.

TUYÊN TRUYỀN, TƯ VẤN NHỮNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT MỚI, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, TRUYỀN NGHỀ VỀ KỸ NĂNG SẢN XUẤT, TỔ CHỨC, QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG NÔNG NGHIỆP; CHUYỂN GIAO CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT VỀ SẢN XUẤT THUỘC CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Biển giới thiệu Mô hình khuyến nông - Mã sản phẩm: TTTT6019

1.1 Tiêu chí, tiêu chuẩn

- a) Kích thước: 60 x 80cm; 100 x 160 cm; 120 x 180cm.
- b) Hình thức: Theo quy định của Bộ nhận diện Khuyến nông Việt Nam.
- c) Nội dung: Theo quy định của dự án.
- d) Vị trí: Đảm bảo tính thông tin và truyền thông, dễ nhận biết và gây ấn tượng tốt.
- đ) Thời gian sử dụng: Tối thiểu 150% thời gian dự án.

1.2 Quy trình

- a) Bước 1: Nghiên cứu, xây dựng nội dung.
- b) Bước 2: Xin ý kiến cơ quan thẩm quyền thống nhất nội dung.
- c) Bước 3: Khảo sát mô hình, trình, quyết định kích thước, số lượng, vị trí đặt biển, kết cấu (chất liệu in, móng, khung)
- d) Bước 4: Lựa chọn đơn vị thiết kế.
- đ) Bước 5. Lựa chọn đơn vị thi công: Bản maquette cuối cùng được thống nhất tiến hành chọn đơn vị sản xuất, thi công lắp đặt theo phương án đã được phê duyệt.
- e) Bước 6: Thi công, lắp đặt biển mô hình, dự án.
- f) Bước 7: Báo cáo kết quả thực hiện.
- g) Bước 8: Đánh giá, nghiệm thu.

1.3 Định mức

DVT: 01 Biển giới thiệu MH

STT	Nội dung, quy trình	Đơn vị tính	Định mức theo kích cỡ			Ghi chú
			60x80cm	100x160cm	120x180cm	
I	Công tác chuẩn bị		8	8	8	
1	Xây dựng nội dung biển	Ngày công	3	3	3	
2	Phê duyệt nội dung biển	Ngày công	3	3	3	
3	Khảo sát địa điểm đặt	Ngày công	1	1	1	Không kể thời gian di chuyển
4	Lên phương án về số lượng, kích thước, chất liệu, khung đỡ, móng biển	Ngày công	1	1	1	Theo thuyết minh dự án
II	Tổ chức thực hiện		35	45	55	
1	Xây dựng maquette	Ngày công	14	14	14	Chân cao 0,8m, cả bảng chiều cao 1,6 - 1,7m, ngang tầm quan sát
-	Lựa chọn đơn vị thiết kế	Ngày công	1	1	1	
-	Thiết kế, sửa maquette	Ngày công	10	10	10	
-	Duyệt maquette	Ngày công	3	3	3	
2	Thi công, lắp đặt biển mô hình	Ngày công	16	26	36	
-	Lựa chọn đơn vị in, gia công, thi công, lắp đặt	Ngày công	1	1	1	
-	In biển, gia công khung biển, móng, thi công, lắp đặt, hoàn thiện (tạm tính đối với chất liệu in bạt Hiflex ngoài trời, gia công khung thép, móng)	Ngày công	15	25	35	Theo thực tế
3	Báo cáo kết quả, nghiệm thu	Người/ngày	5/01	5/01	5/01	



2. Tổ chức Hội thảo đầu bờ khuyến nông - Mã sản phẩm: TTTT6020

2.1 Tiêu chí, tiêu chuẩn

a) Tổ chức các hội thảo đầu bờ nhằm tuyên truyền lan tỏa các mô hình dự án khuyến nông điển hình trong sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tạo sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị; là nơi trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân về sản xuất nông nghiệp.

b) Hội thảo được tổ chức trang trọng, gần gũi, hiệu quả, đảm bảo đúng, đủ thành phần tham dự.

2.2 Nội dung dịch vụ

Tổ chức hội thảo đầu bờ khuyến nông.

2.3 Quy trình

a) Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia hội thảo.

b) Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức

c) Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (mô hình tham quan).

d) Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

đ) Bước 5: Xây dựng tài liệu hội thảo.

e) Bước 6: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

f) Bước 7: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia hội thảo gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

g) Bước 8: Xây dựng chương trình hội thảo; nội dung chi tiết từng hoạt động.

h) Bước 9: Thiết kế, duyệt maket và băng rôn.

i) Bước 10: Các hoạt động hậu cần khác cho hội thảo như:

k) Rà soát, kiểm tra địa điểm tổ chức và các hoạt động khác có liên quan.

m) Bước 11: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hội thảo; Tổ chức hội thảo diễn ra theo chương trình.

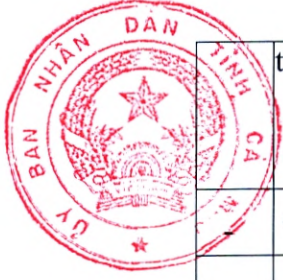
n) Bước 12: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2.4 Định mức

DVT: 01 Hội thảo đầu bờ

STT	Nội dung, quy trình	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			100-150 đại biểu	70-100 đại biểu	20-50 đại biểu	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng kế hoạch, dự toán	Ngày công	10	10	5	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ BVHTTDL
1.2	Thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	2	2	2	

1.3	Khảo sát, tiền trạm địa điểm hội thảo đầu bờ, địa điểm tổ chức	Người/ ngày	02 x 02	02 x 02	02 x 01	Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
1.4	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự	Ngày công	02	01	01	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
1.5	Liên hệ, hướng dẫn, tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.	Ngày công	02	02	01	
1.6	Tổng hợp báo cáo, biên tập, maket tài liệu hội thảo	Ngày công	05	03	02	
1.7	Thiết kế phong băng rôn, pano, tại mô hình.	Ngày công	03	03	01	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký (đi lại, ăn, nghỉ)	Người/ ngày	10 x 02	5 x 02	2 x 01	Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
2.2	Chủ trì, điều hành	Người	01	01	01	Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2.3	Chuyên gia, Cố vấn	Người	02	02	02	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại hội thảo	Người	10	05	03	
2.5	Hướng dẫn tham quan tại mô hình dự án	Người	02	02	01	
2.6	Bộ phận phục vụ	Ngày	04	02	01	
II	Định mức máy móc, thiết bị					
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm					Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-



	thanh ánh sáng)					HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
	Thời gian	Ngày	02	02	01	
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
2	Backdrop hội trường	m ²	20-40	20-30	20	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
3	Standee	Chiếc	5	5	0	
4	Băng rôn, pano, phướn	m ²	100	50	15	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút.)	Bộ	100-150	70-100	20-50	
2	Thức ăn, hoá chất, mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành	Đồng	Theo thực tế (tối đa không quá 5.000.000 đồng)			
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng.		Theo thực tế			Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
IV	Các hạng mục khác liên quan					
1	Tài liệu hội thảo					
	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	20	10	5	Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC
	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng hội thảo			Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau
2	Hỗ trợ nông dân tham gia hội thảo	Người/ngày	100 x 02	60 x 02	40 x 01	
2.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% tổng số đại biểu tham dự			
2.2	Số ngày được hỗ trợ:	Ngày	02	02	01	Theo thời gian tổ chức diễn đàn/tọa đàm
3	Bồi dưỡng khách mời	Người	50	30	10	

4	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	10	5	
5	Nước uống giữa giờ	Người/ ngày	300 x 02	100 x 02	50 x 01	Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau

3. Tờ bướm, sổ tay tuyên truyền, tư vấn những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp - Mã sản phẩm: TTTT6021

3.1 Tiêu chí, tiêu chuẩn

Là hoạt động nhằm tuyên truyền lan tỏa những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp

3.2 Quy trình xuất bản ấn phẩm

- Tổ chức khai thác bản thảo
- Biên tập bản thảo
- Thiết kế, trình bày maket
- In ấn phẩm
- Phát hành ấn phẩm

3.3 Định mức

Áp dụng cho: Sách kỹ thuật; Sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển; Sách dịch (từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và ngược lại); Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông. Mã sản phẩm: TTTT6007, TTTT6008, TTTT6009

4. Học liệu khuyến nông

4.1 Xây dựng Video clip hướng dẫn kỹ thuật - Mã sản phẩm: TTTT6022

4.1.1 Nội dung thực hiện

- Xây dựng đề cương kịch bản.
- Hội đồng đề cương kịch bản.
- Khảo sát địa điểm ghi hình.
- Sản xuất video clip.
- Hội đồng thẩm định video clip.
- Hoàn thiện, giao nộp sản phẩm.

4.1.2 Quy cách, chất lượng

- Hình thức thể hiện: Video clip hướng dẫn kỹ thuật
- Thời lượng: 5 phút; 10 phút; 15 phút.
- Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.
- Bố cục chương trình: Đảm bảo tính logic, phân bổ thời gian hợp lý giữa các phần, phù hợp với trình độ đối tượng truyền tải.



4.1.3 Đối tượng: Đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao và các tổ chức, cá nhân quan tâm

a) Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
			5 phút	10 phút	15 phút	
I	Chi phí nhân công		Áp dụng theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.			
1	Biên tập viên	ngày/người				
2	Đạo diễn truyền hình	ngày/người				
3	Kỹ thuật dựng phim	ngày/người				
4	Kỹ thuật dựng phim	ngày/người				
5	Kỹ thuật viên	ngày/người				
6	Chuyên gia tư vấn (tư vấn cho toàn bộ chương trình (ngày sửa kịch bản, ngày sản xuất tiền kỳ và ngày sản xuất hậu kỳ)	ngày/người	Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước			
7	Công chuyên gia phỏng vấn hiện trường	ngày/người	02-04	02-04	02-04	
8	Công thành viên hội đồng tư vấn đề cương	ngày/người	07	07	07	
9	Công thành viên hội đồng nghiệm thu	ngày/người	07	07	07	
10	Công khảo sát địa điểm ghi hình	ngày/người	05	05	05	
11	Công sản xuất hiện trường	ngày/người	07	07	07	
12	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hội đồng đề cương	ngày/người	03	03	03	
13	Công xây dựng kế hoạch, khảo sát địa điểm	ngày/người	01	01	01	
14	Công xây dựng kế hoạch, hội đồng nghiệm thu, chỉnh sửa hoàn thiện	ngày/người	02	02	02	

b) Định mức vật tư

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
			5 phút	10 phút	15 phút	
	Máy sử dụng					
1	Hệ thống dựng phi tuyến	clip	Áp dụng theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau			
2	Hệ thống phòng đọc	clip				
3	Máy in	clip				
4	Máy quay phim	clip				
5	Máy tính	clip				

4.2 Xây dựng Tài liệu tập huấn khuyến nông - Mã sản phẩm: TTTT6023**4.2.1 Nội dung công việc**

- a) Biên soạn đề cương.
- b) Hội đồng góp ý đề cương chi tiết.
- c) Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu.
- d) Biên soạn tài liệu.
- đ) Hội đồng tư vấn, thẩm định tài liệu.
- e) Hoàn thiện, giao nộp sản phẩm.

4.2.2 Yêu cầu tài liệu

a) Nội dung tài liệu phải đảm bảo tính khoa học, cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới và phù hợp để sử dụng trong công tác đào tạo tập huấn khuyến nông (nội dung mang tính ứng dụng cao, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; có xây dựng phần hướng dẫn bài giảng và gợi ý thảo luận cho từng phần).

b) Tài liệu trình bày đơn giản, bố cục hợp lý; có hình ảnh minh họa, phù hợp và rõ ràng dễ hiểu.

4.2.3 Đối tượng sử dụng: Đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao, và các tổ chức, cá nhân quan tâm.

4.2.4 Định mức lao động (Tài liệu khoảng 80 - 200 trang A4)

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa	Ngày công	15 - 20	Điều 3 Thông tư số 03/2015/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
2	Công thu thập tài liệu	Ngày công	6 - 10		
3	Công khảo sát thực tế	Ngày công	12 - 20		
4	Công xử lý số liệu	Ngày công	12 - 20		



5	Công biên soạn				
-	Thành viên biên soạn	Ngày công	30 - 55		
-	Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, phô tô, đánh máy	Ngày công	6 - 10		

CHƯƠNG IV.
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ NÔNG SẢN, VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP,
LỊCH THỜI VỤ, THIÊN TAI, DỊCH HẠI

1. Thông tin thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp – Mã sản phẩm: TTTT6024

1.1 Tiêu chuẩn, yêu cầu

a) “Thông tin giá cả thị trường khuyến nông” là hoạt động thu thập số liệu, thông tin thị trường nông sản và vật tư nông nghiệp, nhằm cung cấp kịp thời cho nông dân, doanh nghiệp và người tiêu dùng phạm vi trong tỉnh.

b) Thời gian: 1 tuần/lần

c) Địa điểm: Tại 8 huyện, thị, thành trong tỉnh

1.2 Thành phần công việc

a) Bước 1: Xác định nội dung, địa điểm, đối tượng cung cấp thông tin

b) Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức

c) Bước 3: Liên hệ với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương cung cấp thông tin

d) Bước 4: Xây dựng biểu mẫu cung cấp thông tin

đ) Bước 5: Tổ chức triển khai thu thập thông tin thị trường.

e) Bước 6: Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như:

Ban hành các biểu mẫu thu thập thông tin;

Xử lý thông tin thu thập được;

Biên tập và đăng trên Website Khuyến nông;

f) Bước 7: Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định

1.3 Định mức

ĐVT: Tính cho 1 lần

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp (Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)	Người	20		
1	Xác định nội dung, địa điểm, đối tượng cung cấp thông tin - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Được đào tạo cập nhật Thông tin thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp	Người/ngày	1	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp,	
2	Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	1	có năng lực tổ chức thực	



	Triển khai kế hoạch tổ chức thu thập thông tin thị trường đến các đơn vị có liên quan. Thực hiện thu thập thông tin, xử lý thông tin và đăng thông tin trên Website Khuyến nông - Số lượng người yêu cầu: 09 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	9	hiện.	
4	Xử lý thông tin và đăng thông tin trên Website Khuyến nông - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	2		
5	Thanh toán, Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán. - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	2		
6	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) - Số lượng người yêu cầu: 5 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	5		
II	Định mức vật tư, phương tiện				
1	Văn phòng phẩm (Giấy)	gram	0,1	A4	
2	Máy tính để bàn	Bộ	9	0,5 kw/giờ	
3	Máy in	Cái	9	0,4 kw/giờ	

2. Thông tin lịch thời vụ, thiên tai, dịch hại – Mã sản phẩm: TTTT6025

2.1 Tiêu chuẩn, yêu cầu

a) Nội dung: Tuyên truyền lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch hại là hoạt động thu thập số liệu, thông tin về lịch thời vụ, phòng tránh dịch hại trên cây trồng vật nuôi, nhằm cung cấp kịp thời cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp phạm vi trong tỉnh.

b) Thời gian: Theo thời vụ, quý, năm.

c) Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Hình thức tuyên truyền:

Đăng trên website.

In nông lịch.

Đưa tin trên Đài Phát thanh Truyền hình.

2.2 Thành phần công việc

a) Bước 1: Xác định nội dung, địa điểm, đối tượng cung cấp thông tin.

b) Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí.

- c) Bước 3: Liên hệ với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương cung cấp thông tin.
- d) Bước 4: Xây dựng biểu mẫu cung cấp thông tin.
- đ) Bước 5: Tổ chức triển khai thu thập thông tin về lịch thời vụ, phòng tránh thiên tai, dịch hại.
- e) Bước 6: Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như:
Xử lý thông tin thu thập được;
Biên tập và đăng trên Website Khuyến nông và Website Sở NN và PTNT.
- f) Bước 7: Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2.3 Định mức

ĐVT: Tính cho 1 lần

TT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp <i>(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)</i>	Người	20		
1	Xác định nội dung, địa điểm, đối tượng cung cấp thông tin - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Được đào tạo cập nhật Thông tin lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch hại	Người/ngày	1	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	
2	Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí - Số lượng người yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	1		
3	Triển khai kế hoạch tổ chức thu thập thông tin đến các đơn vị có liên quan. Thực hiện thu thập thông tin, xử lý thông tin và đăng thông tin trên Website Khuyến nông - Số lượng người yêu cầu: 09 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	9		
4	Xử lý thông tin và đăng thông tin trên Website Khuyến nông và Website Sở NN và PTNT - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	2		
5	Thanh toán, Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán. - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ngày	2		



6	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) - Số lượng người yêu cầu: 5 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	5		
II	Định mức vật tư, phương tiện				
1	Văn phòng phẩm (Giấy)	Gram	0,1	A4	
2	Máy tính để bàn	Bộ	9	0,5 kw/giờ	
3	Máy in	Cái	9	0,4 kw/giờ	

CHƯƠNG V.

XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG KHUYẾN NÔNG - TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG ĐỂ TƯ VẤN, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TIẾP NHẬN THÔNG TIN PHẢN HỒI TỪ THỰC TẾ SẢN XUẤT - Mã sản phẩm: TTTT6026

1. Tiêu chuẩn, yêu cầu

a) Mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông là hệ thống kết nối thông tin các hoạt động Khuyến nông thông qua các kênh đa phương tiện như: Zalo, facebook, Website, youtube, phần mềm họp trực tuyến, ...

b) Mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông có nhiệm vụ: tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất là hoạt động thu thập số liệu, thông tin về nông sản, mô hình hiệu quả, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, lịch thời vụ, phòng tránh dịch hại trên cây trồng vật nuôi, nhằm phản hồi và cung cấp kịp thời cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp phạm vi trong tỉnh.

c) Thời gian: Thường xuyên trong năm (2 lần/tuần/địa bàn).

d) Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh Cà Mau

đ) Hình thức thực hiện: Xây dựng mạng lưới thông tin truyền thông Khuyến nông thu thập thông tin theo yêu cầu của đơn vị có liên quan. Thông qua các kênh đa phương tiện như: Zalo, facebook, Website, youtube, phần mềm họp trực tuyến.

e) Thành phần, đối tượng tham gia mạng lưới:

Trực tiếp tham gia công tác thông tin tuyên truyền trong hệ thống Khuyến nông Cà Mau; Các Tổ Khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, tổ chức nông dân tiến bộ.

2. Thành phần công việc

a) Bước 1: Xác định nội dung, đối tượng cung cấp thông tin

b) Bước 2: Lựa chọn đối tượng tham gia thành viên mạng lưới và tham mưu ra quyết định thành lập mạng lưới thông tin truyền thông Khuyến nông

c) Bước 3: Ban hành quy chế hoạt động

d) Bước 4: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức

đ) Bước 5: Xây dựng biểu mẫu cung cấp thông tin

e) Bước 6: Triển khai tuyên truyền, tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất của người dân.

f) Bước 7: Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như:

Xử lý thông tin thu thập được;

Biên tập và bàn giao kết quả theo yêu cầu.

g) Bước 8: Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Định mức

ĐVT: Tính cho 1 năm

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp (<i>Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn</i>)	Người	20		
1	Xác định nội dung, địa điểm, đối tượng cung cấp thông tin - <i>Số lượng người yêu cầu: 01 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	1	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	
2	Lựa chọn đối tượng tham gia thành viên mạng lưới và tham mưu ra quyết định thành lập mạng lưới thông tin truyền thông Khuyến nông - <i>Số lượng người yêu cầu: 03 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	3		
3	Ban hành quy chế hoạt động - <i>Số lượng người yêu cầu: 02 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	2		
4	Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí - <i>Số lượng người yêu cầu: 01 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	1		
5	Xây dựng biểu mẫu cung cấp thông tin - <i>Số lượng người yêu cầu: 01 người</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	1		
6	Triển khai tuyên truyền, tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất của người dân. (2 lần/tuần/địa bàn) - <i>Số lượng người yêu cầu: 20 người (mỗi trạm KN 2 người, VP. TTKN 4 người)</i> - <i>Trình độ chuyên môn: đại học trở lên</i>	Người/ ngày	2.080		
7	Các hoạt động hậu cần khác cho hoạt động như: Xử lý thông tin thu thập được) Biên	Người/ ngày	2		



	tập và bàn giao kết quả theo yêu cầu - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên				
8	Thanh toán, Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán. - Số lượng người yêu cầu: 2 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	2		
9	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) - Số lượng người yêu cầu: 5 người - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	Người/ ngày	5		
II	Định mức vật tư, phương tiện				
1	Văn phòng phẩm (Giấy)	Gram	10	A4	
2	Máy tính để bàn	Chiếc	9	0,5 kw/giờ	
3	Máy in	Chiếc	9	0,4 kw/giờ	
4	Xe phục vụ	Lượt	2.080	Xe gắn máy	
5	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Cái	9		
6	Máy móc, thiết bị phục vụ lĩnh vực truyền thông (Máy ảnh, máy ghi âm)	Bộ	9	Đảm bảo phục vụ công tác truyền thông	

PHỤ LỤC VII
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
NHIỆM VỤ BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG 1. TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG

Điều 1. Tập huấn chuyên đề khuyến nông chuyển giao kỹ thuật khoa học, công nghệ - Mã sản phẩm: ĐTKN7001

a) Thời gian tập huấn: 05 ngày (Lý thuyết, thực hành: 04 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng học viên: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

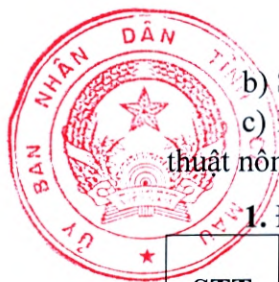
STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	04		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	04		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	04		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	06	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	10		
7	Công quản lý	Ngày/người	05		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 2. Tập huấn nghiệp vụ phương pháp khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7002

a) Thời gian: 03 ngày (lý thuyết thực hành: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).



b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 3. Tập huấn Quản lý dự án khuyến nông (chuyên đề khuyến nông chuyển giao kỹ thuật khoa học, công nghệ) - Mã sản phẩm: ĐTKN7003

a) Thời gian: 03 ngày (lý thuyết thực hành: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).

b) Số lượng học viên 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp, nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 4. Tập huấn nâng cao năng lực cho Tổ Khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã nông nghiệp - Mã sản phẩm: ĐTKN 7004

a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Viên chức ngành nông nghiệp, thành viên hợp tác xã, thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch,	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện	



	báo cáo, hoàn thiện hồ sơ			có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 5. Tập huấn phương pháp, kỹ năng truyền thông trong khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7005

- a) Thời gian: 03 ngày (lý thuyết: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).
- b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
- c) Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, Tổ Khuyến nông cộng đồng.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 6. Tập huấn tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất - Mã sản phẩm: ĐTKN7006

a) Thời gian: 03 ngày (lý thuyết thực hành: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày)

b) Số lượng học viên: 40 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, Tổ Khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút,	Bộ/học	30		



	01 túi đựng tài liệu	viên			
	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 7. Tập huấn chuỗi giá trị, cấp mã vùng sản xuất - Mã sản phẩm: ĐTKN7007

a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 8. Tập huấn qui trình sản xuất an toàn (VietGAP, GlobalGAP), truy xuất nguồn gốc - Mã sản phẩm: ĐTKN7008

- a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày)
 b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
 c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 9. Tập huấn quy trình kỹ thuật trong mô hình, dự án khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7009

- a) Thời gian: 01 ngày (lý thuyết thực hành: 01 ngày).
 b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
 c) Đối tượng: nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác và thành viên hợp tác xã.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01		



2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02		
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 10. Tập huấn nhân rộng mô hình, dự án khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7 010

- a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).
- b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
- c) Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác và thành viên hợp tác xã.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 11. Tập huấn cập nhật và chuyển giao kỹ thuật mới cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ - Mã sản phẩm: ĐTKN7011

a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày)

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã và tổ khuyến nông cộng đồng.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	



2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 12. Tập huấn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tại hiện trường (FFS) trên cây trồng, vật nuôi cho các nhóm nông dân theo nhu cầu - Mã sản phẩm: ĐTKN7012

- a) Thời gian: 10 ngày (lý thuyết: 03 ngày; Thực hành: 07 ngày)
b) Số lượng học viên: 20 người/lớp.
c) Đối tượng: Tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	10		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	10		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	10		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	11	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	20		
6	Công quản lý	Ngày/người	10		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	22	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	20		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 13. Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật vận hành, sửa chữa các trang thiết bị, máy móc cơ giới hóa trong nông nghiệp - Mã sản phẩm: ĐTKN7013

- a) Thời gian: 07 ngày (lý thuyết: 02 ngày; Thực hành: 05 ngày)
b) Số lượng học viên: 20 người/lớp.

c) Đối tượng: Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã và tổ khuyến nông cộng đồng.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	07		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	07		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	07		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	08	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	14		
6	Công quản lý	Ngày/người	07		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	22	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	20		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 14. Tập huấn nhanh theo nhu cầu của nhóm nông dân - Mã sản phẩm: ĐTKN7014

- a) Thời gian: 01 ngày (lý thuyết thực hành: 01 ngày)
 b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
 c) Đối tượng: Nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác và thành viên hợp tác xã.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù	



5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02	hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 15. Tập huấn kỹ năng quản lý dự án, mô hình khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7015

a) Thời gian: 02 ngày (lý thuyết: 1,5 ngày; tham quan: 0,5 ngày)

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 16. Tập huấn kỹ năng bán hàng nông sản, kỹ năng tư vấn và dịch vụ khuyến nông - Mã sản phẩm: ĐTKN7016

a) Thời gian: 04 ngày (lý thuyết: 3 ngày; thực hành: 1 ngày)

b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.

c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	04		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	04		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	04		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	05	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	08		
6	Công quản lý	Ngày/người	04		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		



3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành		Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	
---	---	--	---	--

Điều 17. Tập huấn phương pháp sơ chế, chế biến và bảo quản các sản phẩm nông sản và thủy sản - Mã sản phẩm: ĐTKN7017

- a) Thời gian: 05 ngày (lý thuyết: 3 ngày; thực hành: 2 ngày)
- b) Số lượng học viên: 30 người/lớp.
- c) Đối tượng: Công chức, viên chức ngành nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	05		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	05		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	05		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	06	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	10		
6	Công quản lý	Ngày/người	05		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 18. Tập huấn nâng cao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò - Mã sản phẩm: ĐTKN7018

- a) Thời gian: 10 ngày (lý thuyết: 5 ngày; thực hành: 5 ngày)
- b) Số lượng học viên: 20 người/lớp.

c) Đối tượng: Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp chuyên môn chăn nuôi thú y, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	10		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	05		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	10		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	05	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	20		
6	Công quản lý	Ngày/người	10		

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	22	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	20		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

Điều 19. Tập huấn nâng cao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho heo - Mã sản phẩm: ĐTKN7019

a) Thời gian: 04 ngày (lý thuyết: 1 ngày; thực hành: 3 ngày)

b) Số lượng học viên: 20 người/lớp.

c) Đối tượng: Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp chuyên môn chăn nuôi thú y, khuyến nông viên, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân.

1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	04		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	04		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	04		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn	Ngày/người	05	Đơn vị thực hiện có chức năng và	



thiện hồ sơ				nhiệm vụ phù	
Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	08		hợp, có năng lực	
Công quản lý	Ngày/người	04		tổ chức thực hiện	

2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	22	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức) Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	20		
3	Máy móc, trang thiết bị, vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu	

CHƯƠNG 2. KHẢO SÁT HỌC TẬP TRONG NƯỚC - Mã sản phẩm: ĐTKN7020

- Thời gian: 05 ngày
- Số lượng học viên: 10 - 20 người.
- Đối tượng học viên: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác và thành viên hợp tác xã.

Điều 1. Định mức lao động

STT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	Công báo cáo, hướng dẫn tham quan	Ngày/người	10	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	05		
3	Công tổ chức	Ngày/người	10		
4	Công quản lý	Ngày/người	05		

Điều 2. Định mức học liệu, vật tư

STT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	12 - 22		
2	01 sổ ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/người	10 - 20		
3	Vật tư tham quan			Theo thực tế	